

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13-3-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huệ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Kim L**, sinh năm 1971. Cư trú: Tổ 07, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Phước H**, sinh năm 1970. Cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Kim L trình bày: Chị và anh Lê Phước H tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, hai người luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm đến gia đình. Đến ngày 06/01/2018 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung từ đó đến nay. Từ khi không còn sống chung, hai bên không hàn gắn tình cảm. Thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Phước H. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Lê Thanh B, sinh năm 1994, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Phước H trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn chung sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị L, anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị L có 01 con chung tên Lê Thanh B, sinh năm 1994, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Bà Trần Kim L và ông Lê Phước H chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà L và ông H là vợ chồng. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh B, đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Về nợ chung, tài sản: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Kim L yêu cầu ly hôn với anh Lê Phước H, anh H có nơi cư trú ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Bị đơn anh Lê Phước H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ.

[3] Chị Trần Kim L yêu cầu ly hôn với anh Lê Phước H, chị L và anh H hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh H có 01 con chung tên Lê Thanh B, sinh năm 1994, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị L, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Chị L, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Kim L đối với anh Lê Phước H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Kim L và anh Lê Phước H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Lê Thanh B, sinh năm 1994, đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận chị Trần Kim L và anh Lê Phước H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị L và anh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Kim L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0012431** do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày **08 tháng 01 năm 2019**. Chị L đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VK SND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư